

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN

Số: 44/2009/TT-
BNNPTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2009

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý tài chính nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc phạm vi

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP, ngày 03/01/2008 của Chính phủ, qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP, ngày 06/6/2003 của Chính phủ, ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP, ngày 09/11/2006 của Chính phủ, ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg, ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Quy chế quản lý, sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ các thông tư của Bộ Tài chính: Thông tư số 82/2007/TT-BTC, ngày 12/7/2007, hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; Thông tư số 108/2007/TT-BTC, ngày 07/9/2007, hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); Thông tư số 116/2005/TT-BTC, ngày 19/12/2005, hướng dẫn việc quản lý và xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước khi dự án kết thúc

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quản lý tài chính nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc phạm vi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu và phạm vi điều chỉnh

Thông tư này nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý tài chính nguồn hỗ trợ của nước ngoài, gồm nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) đầu tư thông qua các chương trình, dự án, khoản tài trợ phi dự án cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, Văn phòng Đối tác Hỗ trợ ngành, Quỹ uỷ thác ngành và các Ban Quản lý dự án thuộc phạm vi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các Văn phòng Đối tác Hỗ trợ ngành, Quỹ uỷ thác ngành và các Ban Quản lý dự án thuộc Bộ, được Bộ quyết định giao nhiệm vụ làm chủ chương trình, dự án, hoặc được giao nhiệm vụ điều phối, thực hiện một phần (đối với dự án có nhiều tiểu dự án hoặc nhiều hợp phần) hay toàn bộ chương trình, dự

án và khoản tài trợ phi dự án (gọi chung là Chủ dự án) phải thực hiện nghiêm các quy định và hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Nguồn vốn ODA và NGO đầu tư, hỗ trợ thông qua các chương trình, dự án và các khoản tài trợ phi dự án (gọi chung là dự án) đều là nguồn vốn của Ngân sách Nhà nước (NSNN), phải được hạch toán, phản ánh đầy đủ thông qua hệ thống chứng từ sổ sách, biểu mẫu báo cáo và phải được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật NSNN, các Nghị định và các văn bản hướng dẫn hiện hành.
2. Trừ trường hợp đặc biệt đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, vốn đối ứng do NSNN cấp phát theo cam kết dành cho các chương trình, dự án ODA và dự án NGO thuộc phạm vi cấp nào do cấp đó (gồm trung ương và địa phương) đảm bảo cân đối, bố trí, giao dự toán và kiểm tra, phê duyệt quyết toán. Tuy nhiên, toàn bộ số liệu phải được phản ánh, tổng hợp trong báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán chung của toàn chương trình, dự án.
3. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng về việc thực hiện các cam kết đã quy định trong các điều ước quốc tế, văn kiện dự án; các quy định của Nhà nước về thực hiện chương trình, dự án, quản lý tài chính; thực hiện chế độ lập kế hoạch tài chính, hạch toán kế toán, kiểm toán, quyết toán, quản lý tài sản dự án, báo cáo theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
4. Trong trường hợp các điều ước, thỏa thuận, cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, ký kết có quy định khác với quy định trong nước thì thực hiện theo các điều ước, thỏa thuận, cam kết đó. Nếu Nhà tài trợ hoặc cơ quan, tổ chức được Nhà tài trợ uỷ nhiệm trực tiếp điều hành việc chi tiêu cho chương trình, dự án, thì việc quản lý tài chính được thực hiện theo các quy định trong các Hiệp định, Thỏa thuận, Cam kết hoặc Văn kiện dự án, Biên bản ghi nhớ đã ký kết với Nhà tài trợ.

Điều 4. Nội dung quản lý tài chính

1. Nội dung quản lý tài chính nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc phạm vi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý bao gồm: Lập và tổng hợp kế hoạch tài chính (còn gọi là dự toán thu, chi NSNN); thực hiện chế độ kiểm soát chi và hạch toán NSNN; thực hiện chế độ mua sắm và định mức chi tiêu; thực hiện chế độ báo cáo, kế toán, kiểm toán và quyết toán; thực hiện chế độ quản lý vốn và tài sản hình thành từ nguồn kinh phí dự án; và thực hiện các chính sách thuế.
2. Ngoài các nội dung nêu trên, đối với các chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại có tính chất độc lập (không đi kèm với dự án vốn vay) còn phải thực hiện việc xác nhận viện trợ với Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) theo quy định tại Thông tư số 82/2007/TT-BTC, ngày 12/7/2007 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư này.

Chương II

LẬP VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Điều 5. Nguyên tắc lập kế hoạch tài chính

1. Kế hoạch tài chính là kế hoạch vốn đầu tư (đối với dự án XD CB), hoặc kế hoạch vốn hành chính sự nghiệp (đối với dự án HC SN) hoặc kế hoạch cho vay tín dụng (đối với các dự án tín dụng). Nội dung của kế hoạch tài chính bao gồm: kế hoạch vốn ODA và NGO (vốn vay nợ, vốn viện trợ không hoàn lại, phân theo từng nước hoặc tổ chức tài trợ), vốn

đối ứng trong nước (vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương, vốn tín dụng trong nước, vốn tự có của Chủ dự án, vốn đóng góp của người hưởng lợi dự án, nguồn vốn do được hoàn thuế Giá trị gia tăng (nếu có) và các nguồn vốn khác theo quy định của luật pháp Việt Nam).

2. Đối với các dự án hỗn hợp XDCB và HCSN, Chủ dự án lập và trình duyệt kế hoạch tài chính cụ thể theo từng nội dung chi của dự án. Đối với các dự án có nhiều Chủ dự án, từng Chủ dự án chịu trách nhiệm lập kế hoạch tài chính cho phần dự án do Chủ dự án thực hiện. Trường hợp dự án có nhiều Chủ dự án và có một cơ quan đầu mối điều phối chung việc thực hiện dự án, cơ quan điều phối chung sẽ chịu trách nhiệm lập kế hoạch tài chính phần hoạt động do cơ quan điều phối thực hiện, đồng thời tổng hợp kế hoạch chung của toàn dự án.

3. Kế hoạch tài chính hàng năm của dự án phải thể hiện các nội dung chi chi tiết theo từng hợp phần, từng hoạt động chính của dự án, chi tiết theo từng nguồn vốn tài trợ, vốn đối ứng, vốn tự có của Chủ Dự án, vốn đóng góp của người hưởng lợi, vốn tín dụng (nếu có) và phải kèm theo báo cáo thuyết minh rõ cơ sở, căn cứ tính toán từng khoản chi.

4. Kế hoạch tài chính hàng năm của dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thông báo là cơ sở để kiểm soát chi, rút vốn đối ứng và vốn nước ngoài cho dự án. Sau khi có kế hoạch tài chính được duyệt, Ban Quản lý dự án gửi kế hoạch tài chính cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) và Kho bạc Nhà nước nơi đăng ký giao dịch.

5. Kế hoạch tài chính năm của dự án lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 108/2007/TT-BTC, ngày 07/9/2007 của Bộ Tài chính, hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chính thức.

Để phù hợp với yêu cầu quản lý, điều kiện tình hình thực tế, các mẫu biểu lập và tổng hợp kế hoạch được hướng dẫn chi tiết, cụ thể hóa, bao gồm 03 phụ lục:

Phụ lục 01: Mẫu biểu tổng hợp kế hoạch tài chính năm. Biểu này được tổng hợp từ các dự án đã được lập chi tiết tại phụ lục 02 và 03.

Phụ lục 02: Kế hoạch tài chính năm

Phụ lục 03: Dự toán chi tiết chi ngân sách dự án năm

Điều 6. Lập và phê duyệt kế hoạch tài chính

1. Hàng năm, trước ngày 15 tháng 7, trùng với thời điểm lập dự toán NSNN, theo quy định hiện hành, căn cứ nội dung văn kiện dự án, kế hoạch tổng thể, tiến độ thực hiện dự án, Chủ dự án là đơn vị dự toán cấp II chỉ đạo Ban Quản lý dự án, đơn vị cấp dưới trực thuộc lập và tổng hợp kế hoạch vốn cho năm sau, thỏa thuận/xin ý kiến không phản đối (No objection) của Nhà tài trợ (nếu có yêu cầu), làm căn cứ trình Bộ xem xét gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp NSNN trình Chính phủ và Quốc hội phê duyệt.

2. Đối với các dự án có tính chất đầu tư (gọi tắt là dự án XDCB), Chủ dự án lập và gửi Vụ Kế hoạch xem xét, tổng hợp kế hoạch tài chính báo cáo Bộ trưởng trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đối với các dự án có tính chất chi hành chính sự nghiệp (gọi tắt là dự án HCSN), Chủ dự án lập và gửi Vụ Tài chính xem xét, tổng hợp kế hoạch tài chính báo cáo Bộ trưởng trước khi gửi Bộ Tài chính.

3. Trong tháng 8, theo chức năng nhiệm vụ được giao, Vụ Tài chính (đối với dự án HCSN), Vụ Kế hoạch (đối với dự án XDCB) chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục có liên quan chỉnh sửa lần cuối kế hoạch/dự toán NSNN của Bộ để tổng hợp gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong quá trình lập kế hoạch/dự toán NSNN hàng năm, các Vụ, Cục, các đơn vị sự nghiệp khác và cơ quan được ủy quyền căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì hoặc phối hợp

tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch tài chính/dự toán chi NSNN cho các dự án thuộc lĩnh vực quản lý, thời hạn hoàn thành trước ngày 31 tháng 10.

4. Ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao Dự toán thu, chi NSNN, và được cấp có thẩm quyền thẩm định phương án phân bổ vốn, Vụ Tài chính trình Bộ trưởng quyết định giao dự toán chi NSNN cho các dự án HCSN; Vụ Kế hoạch chủ trì trình Bộ trưởng thông báo kế hoạch vốn cho các dự án XDCB đến các đơn vị dự toán cấp II; thời gian hoàn thành trước ngày 31/12. Đơn vị dự toán cấp II có trách nhiệm thông báo kế hoạch vốn cho các đơn vị phụ thuộc trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định/thông báo giao kế hoạch/dự toán của Bộ.

5. Đối với các dự án ODA, dự án NGO mà Điều ước quốc tế và thỏa thuận đã ký nhưng chưa có hiệu lực hoặc có hiệu lực nhưng chưa hoàn thành các thủ tục đầu tư trong nước, cơ quan được giao làm Chủ dự án phải trình Bộ (thông qua Vụ Kế hoạch đối với vốn mang tính chất XDCB, Vụ Tài chính đối với vốn mang tính chất HCSN) để Bộ tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (trong thời gian lập dự toán ngân sách) để bố trí trong dự phòng chi XDCB hoặc chi HCSN, trình cấp có thẩm quyền quyết định (nếu là trường hợp ngân sách trung ương chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng).

Điều 7. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch tài chính

Đối với các dự án mới phát sinh hoặc dự án đã phê duyệt nhưng cần điều chỉnh bổ sung sau thời điểm lập và giao kế hoạch ngân sách, theo đề nghị của Chủ dự án, theo tính chất sử dụng vốn, Vụ Kế hoạch (đối với vốn XDCB), Vụ Tài chính (đối với vốn HCSN) xem xét trình Bộ trưởng phê duyệt điều chỉnh (đối với trường hợp điều chỉnh không làm tăng tổng mức vốn) và báo cáo tổng hợp kế hoạch bổ sung (đối với trường hợp cần bổ sung vốn) vào thời điểm bổ sung kế hoạch ngân sách hàng năm hoặc báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính xử lý từng trường hợp cụ thể (trường hợp cấp thiết, khẩn cấp).

Chương III

MỞ TÀI KHOẢN, GIẢI NGÂN VÀ KIỂM SOÁT CHI

Điều 8. Mở và sử dụng tài khoản

1. Chủ dự án được mở tài khoản tại ngân hàng thương mại hoặc tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tại nơi mở trụ sở đăng ký giao dịch để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận, giải ngân nguồn hỗ trợ của nước ngoài, cũng như nguồn vốn đối ứng do NSNN cấp phát để thực hiện chương trình, dự án.

2. Trong trường hợp mở tài khoản tiếp nhận nguồn vốn nước ngoài tại ngân hàng, Chủ dự án có trách nhiệm đề nghị ngân hàng phục vụ mở thêm tài khoản theo dõi tiền lãi phát sinh riêng và yêu cầu ngân hàng gửi bản sao kê định kỳ hàng tháng cho dự án để tổng hợp theo dõi khoản tiền lãi phát sinh.

3. Nghiêm cấm việc dùng tài khoản cá nhân, thuê mượn hoặc nhờ tài khoản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác và các hình thức tương tự để tiếp nhận và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài cho các chương trình, dự án.

Điều 9. Xác nhận viện trợ, báo cáo tiếp nhận và sử dụng viện trợ

1. Xác nhận tiền, hàng viện trợ với Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại), báo cáo tình hình tiếp nhận và sử dụng viện trợ chỉ áp dụng đối với các chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại có tính chất độc lập.

Mẫu Tờ khai và thời điểm xác nhận viện trợ được quy định tại Thông tư số 82/2007/TT-BTC, ngày 12/7/2007 của Bộ Tài chính, bao gồm:

1.1 Mẫu C1-HD/XNVT: “Tờ khai xác nhận viện trợ hàng hoá nhập khẩu” (Phụ lục 1a) sử dụng trong kê khai xác nhận viện trợ đối với các trang thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu, đồ dùng và các loại hàng hoá khác nhập khẩu từ nước ngoài. Tờ khai này do Chủ dự án lập ngay sau khi nhận được chứng từ nhập khẩu.

1.2 Mẫu C2-HD/XNVT: “Tờ khai xác nhận viện trợ hàng hoá, dịch vụ trong nước” (Phụ lục 1b) sử dụng trong kê khai xác nhận viện trợ đối với các trang thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu, đồ dùng và các loại hàng hoá mua trong nước (kể cả chi phí dịch vụ) bằng nguồn tiền viện trợ của nước ngoài. Tờ khai này do Chủ dự án lập hàng tháng, cùng thời điểm kê khai hoàn thuế giá trị gia tăng.

1.3 Mẫu C3-HD/XNVT: “Tờ khai xác nhận viện trợ bằng tiền”(Phụ lục 1c) được sử dụng trong kê khai các khoản viện trợ của nước ngoài bằng tiền. Tờ khai này do Chủ dự án lập ngay sau khi nhận được chứng từ chuyển tiền của Nhà tài trợ.

2. Chậm nhất 15 ngày sau khi hết quý, Chủ dự án phải lập báo cáo tiếp nhận và sử dụng viện trợ (theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 82/2007/TT-BTC, ngày 12/7/2007 của Bộ Tài chính) gửi Bộ (Vụ Tài chính) để tổng hợp gửi Bộ Tài chính.

3. Các chương trình, dự án ODA vay ưu đãi hoặc các chương trình dự án hỗn hợp thực hiện theo quy định Thông tư số 108/2007/TT-BTC, ngày 07/09/2007, hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), không phải thực hiện xác nhận viện trợ.

Điều 10. Định mức chi tiêu

1. Định mức chi tiêu trong trường hợp sử dụng nguồn vốn đối ứng trong nước và vốn vay thông qua các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài được áp dụng theo quy định tại Quyết định số 61/2006/QĐ-BTC, ngày 02/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, ban hành “Một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình có sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)” và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này.

2. Định mức chi tiêu trong trường hợp sử dụng từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài được áp dụng theo quy định tại Hiệp định, Thỏa thuận, Văn kiện dự án, Biên bản ghi nhớ về viện trợ nước ngoài ký với Nhà tài trợ.

3. Ngoại trừ các trường hợp viện trợ theo phương thức hỗ trợ ngân sách, đối với các trường hợp sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại trong khuôn khổ các chương trình, dự án do các nước thành viên thuộc Liên minh châu Âu (EU) hoặc các tổ chức của Liên Hợp quốc (UN) như FAO, UNDP, WHO, UNICEF... tài trợ thì được áp dụng tiêu chuẩn định mức theo phiên bản cập nhật “Hướng dẫn của EU-UN về chi phí địa phương trong hợp tác phát triển với Việt Nam” đăng tải tại trang thông tin điện tử của Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam:

http://www.delvnm.ec.europa.eu/eu_vn_relations/development_coo/publications.htm

4. Định mức kinh tế kỹ thuật, đầu tư xây dựng cơ bản cho các hoạt động đặc thù của ngành, các hoạt động có tính chất đầu tư thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam (không phân biệt nguồn vốn).

5. Ngoài ra, nếu không có quy định định mức cụ thể trong các hiệp định, thỏa thuận tài trợ, hoặc do dự án triển khai liên quan tới nhiều bộ/ngành (Bộ là cơ quan chủ quản) đơn vị, địa phương và nhiều đối tác có liên quan, nhưng chưa có định mức chi tiêu thống nhất hoặc đã có nhưng chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, theo đề nghị của Chủ dự án, sau khi có sự nhất trí của đại diện Nhà tài trợ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Tài chính) sẽ làm văn bản xin ý kiến của Bộ Tài chính trước khi ban hành quy định về định mức chi tiêu áp dụng thống nhất cho toàn dự án.